

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3069/UBND-GD

Uông Bí, ngày 08 tháng 11 năm 2021

V/v thẩm định kế hoạch và mức thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2021-2022

Kính gửi: Trường tiểu học Lê Lợi

Thực hiện Hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Công văn số 2997/SGDĐT-KHTC ngày 20/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh V/v quán triệt thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ và văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Công văn số 1198/PGDĐT ngày 25/10/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non, phổ thông công lập năm học 2021-2022.

Căn cứ tờ trình số 261/TTr-THLL ngày 03/11/2021 gửi kèm theo Hồ sơ; Dự toán thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2021-2022 của trường tiểu học Lê Lợi,

Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí thẩm định và phê duyệt các khoản thu và dự toán chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục được triển khai tại trường tiểu học Lê Lợi năm học 2021-2022 như sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán chi 9 tháng năm học 2021-2022			Mức thu/học sinh	
		Số đơn vị đề nghị	Số thẩm định của UBND thành phố	Số chênh lệch	Số tiền (đồng)	Ghi chú
I	Kinh phí tổ chức bán trú tại trường					
1	Tiền quản lý học sinh trong giờ bán trú	953.334.000	953.334.000	-	91.000	Thu theo tháng
1.1	Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (89%)	839.970.000	839.970.000	-		
1.2	Chi cho cán bộ quản lý (11%)	113.364.000	113.364.000	-		
	- Lãnh đạo phụ trách	56.448.000	56.448.000			
	- Thủ quỹ	7.344.000	7.344.000	-		
	- Kế toán	25.704.000	25.704.000	-		
	- Y tế	23.868.000	23.868.000	-		
2	Tiền ăn	4.220.355.240	4.220.355.240	-		
2.1	Tiền mua suất ăn	4.158.000.000	4.158.000.000	-	20.000	Suất ăn/ngày. Thu theo tháng
2.2	Các chi phí gián tiếp	62.355.240	62.355.240	-	6.000	Thu theo tháng
	- Tiền điện	19.285.200	19.285.200	-		
	- Tiền nước sinh hoạt	2.903.040	2.903.040	-		
	- Vật tư, đồ dùng, phục vụ vệ sinh bán trú	40.167.000	40.167.000	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán chi 9 tháng năm học 2021-2022			Mức thu/học sinh	
		Số đơn vị đề nghị	Số thẩm định của UBND thành phố	Số chênh lệch	Số tiền (đồng)	Ghi chú
II	Kinh phí mua nước uống cho học sinh học 02 buổi/ngày	120.690.000	120.690.000	-	10.000	Thu theo tháng hoặc học kỳ
1	Mua nước uống cho học sinh	100.440.000	100.440.000	-		
2	Chi công người quản lý, cấp phát vận chuyển nước đến các lớp	20.250.000	20.250.000	-		
III	Kinh phí dịch vụ dạy học tiếng Anh làm quen lớp 1,2 (8.750đ/tiết X 8 tiết)	289.234.512	289.234.512	-	70.000	Thu theo tháng
1	Chi trả đơn vị liên kết giảng dạy (70%)	202.419.000	202.419.000	-		
2	Chi tại trường (30%)	86.815.512	86.815.512	-		
2.1	Chi cho cán bộ quản lý	65.268.000	65.268.000	-		
	- Thủ quỹ	3.672.000	3.672.000	-		
	- Kế toán	9.180.000	9.180.000	-		
	- Lãnh đạo phụ trách	24.696.000	24.696.000	-		
	- Giáo viên quản lý học sinh	27.720.000	27.720.000	-		
2.2	Phục vụ vệ sinh	16.884.000	16.884.000	-		
2.3	Tiền điện	4.663.512	4.663.512	-		
IV	Kinh phí dịch vụ dạy học tiếng Anh tăng cường lớp 3,4,5 có sự tham gia của người nước ngoài (30.000đ/tiết X 4 tiết)	749.628.360	749.628.360	-	120.000	Thu theo tháng
1	Chi trả đơn vị liên kết giảng dạy (80%)	601.344.000	601.344.000	-		
2	Chi tại trường (20%)	148.284.360	148.284.360	-		
2.1	Chi trả thù lao cho giáo viên trợ giảng	47.880.000	47.880.000	-		
2.2	Chi cho cán bộ quản lý	78.048.000	78.048.000	-		
	- Thủ quỹ	5.508.000	5.508.000	-		
	- Kế toán	11.934.000	11.934.000	-		
	- Lãnh đạo phụ trách	24.696.000	24.696.000	-		
	- Giáo viên quản lý học sinh	35.910.000	35.910.000	-		
2.2	Phục vụ vệ sinh	18.324.000	18.324.000	-		
2.3	Tiền điện	4.032.360	4.032.360	-		
V	Kinh phí hoạt động giáo dục kỹ năng sống (15.000đ/tiết X 4 tiết)	633.366.648	633.366.648	-	60.000	Thu theo tháng
1	Chi trả đơn vị liên kết giảng dạy (80%)	506.736.000	506.736.000	-		
2	Chi cho cán bộ quản lý	126.630.648	126.630.648	-		
	- Thủ quỹ	7.344.000	7.344.000	-		
	- Kế toán	13.770.000	13.770.000	-		
	- Lãnh đạo phụ trách	26.460.000	26.460.000	-		
	- Giáo viên quản lý học sinh	56.700.000	56.700.000	-		
3	Phục vụ vệ sinh	15.975.000	15.975.000	-		
4	Tiền điện	6.381.648	6.381.648	-		



Số TT	Nội dung	Dự toán chi 9 tháng năm học 2021-2022			Mức thu/học sinh	
		Số đơn vị đề nghị	Số thẩm định của UBND thành phố	Số chênh lệch	Số tiền (đồng)	Ghi chú
VI	Kinh phí dịch vụ dạy học môn Tin học (5.000đ/tiết X 8 tiết)	167.055.400	167.055.400	-	40.000	Thu theo tháng
1	Chi trả nhà đầu tư (47%)	84.516.400	84.516.400	-		
2	Chi tại trường (53%)	82.539.000	82.539.000			
2.1	Chi hợp đồng giáo viên trực tiếp giảng dạy (2 người)	37.440.000	37.440.000			
2.2	Chi cho cán bộ quản lý	31.059.000	31.059.000	-		
	- Thủ quỹ	2.754.000	2.754.000	-		
	- Kế toán	6.885.000	6.885.000	-		
	- Lãnh đạo phụ trách	13.230.000	13.230.000	-		
	- Giáo viên quản lý học sinh	8.190.000	8.190.000	-		
2.3	Quản lý, vệ sinh phòng máy	12.600.000	12.600.000	-		
2.4	Dụng cụ vệ sinh	1.440.000	1.440.000	-		
2.5	Tiền điện	14.025.600	14.025.600	-		
VII	Kinh phí thu tiền điện Máy điều hòa: Chốt số công tơ điện riêng các lớp, thu theo Học kỳ (sau khi trừ phần chi các đề án ngoài giờ chính khóa và bán trú).					

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu trường tiểu học Lê Lợi nghiêm túc thực hiện các quy định như sau:

- Thực hiện theo đúng nội dung các khoản thu, mức thu, dự toán chi được phê duyệt.
- Chủ động phối hợp với Ngân hàng cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về ban hành Kế hoạch thực hiện đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- Thực hiện công khai kết quả phê duyệt các khoản thu, mức thu đã được UBND thành phố phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục. Tiến hành niêm yết công khai tại bảng thông tin, website của nhà trường tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh trong nhà trường.



4. Mở sổ sách theo dõi, hạch toán tất cả các khoản thu, chi phát sinh vào sổ kế toán, báo cáo tài chính theo đúng quy định của chế độ tài chính hiện hành. Việc thu tiền phải thông qua bộ phận tài vụ của nhà trường (kế toán, thủ quỹ). Ngay sau khi kết thúc năm học hoặc kết thúc dịch vụ, thực hiện quyết toán từng khoản thu và được công khai bằng văn bản tới tất cả cha mẹ học sinh và giáo viên nhà trường vào cuối năm học. Trường hợp cuối năm học số kinh phí còn dư thì trả lại cho cha mẹ học sinh, có chữ ký xác nhận. Tuyệt đối không được dùng khoản thu này để điều chuyển hoặc chi cho nội dung, mục đích khác.

5. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 34 gửi cơ quan quản lý trực tiếp (phòng Giáo dục và Đào tạo) để tổng hợp theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để thực hiện);
- UBND xã phường (để phối hợp, giám sát);
- Lưu VT, GD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thành

Nguyễn Văn Thành

